TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Như

Bà Hoàng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy A, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Chu Trọng Q, sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy A trình bày:

Chị A với anh Q sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị A và gia đình chồng không hòa hợp với nhau, anh Q ngoài việc đi làm về thì không quan tâm đến

vấn đề khác, thường xuyên ghen tuông vô cớ, không phụ giúp vợ trong công việc gia đình. Chị A đã đề nghị với anh Q hai vợ chồng ra ở riêng nhưng anh Q không chịu mà còn mắng chửi chị A. Thấy chồng và gia đình chồng không tôn trọng mình, từ tháng 02/2023, chị A và anh Q đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung tên Chu Thị Hoàng Y, sinh ngày 25/4/2014; Chu Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2016 và Chu Trọng Ng sinh ngày 09/6/2020. Hiện nay cả 03 con chung đang ở chung với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và cháu N, để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng. Không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2033, bị đơn anh Chu Trọng Q trình bày:

Anh Q và chị A sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra có nhiều mâu thuẫn nhỏ nhặt khác. Từ tết Nguyên Đán 2023, chị A đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không còn chung sống với anh Q từ đó cho đến nay. Chị A yêu cầu ly hôn thì anh Q đồng ý.

Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung tên Chu Thị Hoàng Y, sinh ngày 25/4/2014; Chu Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2016 và Chu Trọng Ng sinh ngày 09/6/2020. Khi ly hôn, anh Q đồng ý để chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu yến và cháu N, còn anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng. Anh Q không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Y và cháu N.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q cư trú tại xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị A, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị A, anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị A thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên cùng giấy chứng nhận kết hôn, thấy rằng: Chị A và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Đây là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù lời khai của chị A và anh Q không thống nhất về thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đều thừa nhận từ đầu năm 2023 đã không còn chung sống với nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị A yêu cầu ly hôn, anh Q đồng ý, đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị A và anh Q có 03 con chung tên Chu Thị Hoàng Y, sinh ngày 25/4/2014; Chu Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2016 và Chu Trọng Ng sinh ngày 09/6/2020. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Y và cháu N còn anh Q trực tiếp nuôi cháu Ng, anh Q đồng ý như yêu cầu của chị A. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2.Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thùy A và anh Chu Trọng Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2013 ngày 14/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Chu Thị Hoàng Y, sinh ngày 25/4/2014; Chu Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2016 cho chị Phạm Thị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Chu Trọng Ng, sinh ngày 09/6/2020 cho anh Chu Trọng Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Thùy A phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014612 ngày 06/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải